TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ	*Hồng Ngự, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đổ (Đỗ) Thị T, sinh năm 1981. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Chổ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Chổ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đổ Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đổ Thị T và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung:

+ Chị Đổ Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 26/9/2009.

+ Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

- Về chia tài sản chung:

+ Chị Đổ Thị T được sở hữu tài sản gồm một căn nhà có diện tích chiều ngang 03m x chiều dài 5,37 = 15,9m^2 có kết cấu nhà bằng khung cây gỗ tạp, vách tôn, lót gạch Ceramic (250 x 250) với diện tích 3m x 2,9m diện tích còn lại 03m x 2,47m láng vữa xi-măng, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT và tài sản trong nhà gồm: 01 cái chõng bằng cây gỗ tạp (diện tích 1,5m x 2m), 01 tivi hiệu Acnizo, 01 cái quạt tường, 01 tủ chén nhôm, 01 tủ áo nhôm, 01 tủ thờ bằng chủng loại gỗ, 01 bếp gas hiệu Ikura và bình ga, 01 nồi cơm điện hiệu Kim Cương 1,8 lít, 01 quạt gió nhỏ hiệu Senzo, 01 tủ lạnh hiệu Samsung 210 lít, 01 (một) chỉ vàng 24kra, 10.200.000đ tiền hụi. Tổng giá trị là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

+ Chị Đổ Thị T có trách nhiệm giao cho anh Nguyễn Văn H ½ giá trị tài sản chung là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 1.992.000đ. Chị Đổ Thị T và anh Nguyễn Văn H thống nhất mỗi người chịu 996.000đ. Chị T đã tạm ứng và đã chi xong nên anh H có trách nhiệm trả lại cho chị T 996.000đ (Chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đổ Thị T chịu 75.000đ án phí ly hôn, 400.000đ án phí tài sản được chia (16.000.000đ x 2,5% = 400.000đ), tổng cộng 475.000đ. Anh Nguyễn Văn H chịu 75.000đ án phí ly hôn, 400.000đ án phí tài sản được chia, tổng cộng 475.000đ. Do chị T, anh H thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đổ Thị T được nhận lại tiền tạm ứng 600.000đ theo biên lai thu số BH/2018/ 0001047 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Hồng Ngự;
- THADS H. Hồng Ngự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung